

CÔNG TY TNHH LƯU VŨ GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LƯU VŨ GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301218476

3. Ngày thành lập: 25/08/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

CN 49 Khu công nghiệp Thuận Thành 2, Xã An Bình, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0917509241

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
28.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
29.	Trồng cây hàng năm khác	0119
30.	Trồng cây ăn quả	0121
31.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
32.	Trồng cây lâu năm khác	0129
33.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
34.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
35.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
36.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
37.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
38.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
39.	Chăn nuôi gia cầm	0146
40.	Chăn nuôi khác	0149
41.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
42.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
43.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
44.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
45.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
46.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
47.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
48.	Khai thác gỗ	0220
49.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
50.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
51.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
52.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
53.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
54.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu.	8299
56.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
57.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

58.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
59.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
60.	Quảng cáo	7310
61.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
62.	Bán buôn tổng hợp	4690
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
64.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
67.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
68.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
69.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
70.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
71.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
72.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
73.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
74.	Sản xuất cà phê	1077
75.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
76.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
77.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
78.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
79.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
80.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
81.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
82.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
83.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
84.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
85.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
86.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
87.	Đúc sắt, thép	2431
88.	Đúc kim loại màu	2432
89.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
90.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
91.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
92.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

93.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
94.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
95.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
96.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
97.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
98.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
99.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
100.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
101.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
102.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
103.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
104.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
105.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
106.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
107.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
108.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
109.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
110.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
113.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
114.	Cơ sở lưu trú khác	5590
115.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
116.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
117.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
118.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
119.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
120.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
121.	Xây dựng nhà để ở	4101
122.	Xây dựng nhà không để ở	4102
123.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
124.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
125.	Xây dựng công trình điện	4221
126.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
127.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

128.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
129.	Xây dựng công trình thủy	4291
130.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
131.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
132.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
133.	Phá dỡ	4311
134.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
135.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
136.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
137.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
138.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
139.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
140.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
141.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
142.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
143.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: HOÀNG THỊ BẢO LINH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 11/12/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031193008880

Ngày cấp: 17/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 4 Lô 1 Đầm Lác, Phường Gia Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 4 Lô 1 Đầm Lác, Phường Gia Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG THỊ BẢO LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 11/12/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031193008880

Ngày cấp: 17/01/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *4 Lô 1 Đầm Lác, Phường Gia Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *4 Lô 1 Đầm Lác, Phường Gia Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh